

Trường Cao Đẳng Công Chánh

Danh Sách Quý Vị Giáo Sư

<u>Ho và Tên</u>	<u>Văn bằng</u>	<u>Môn dạy</u>	<u>Thời gian</u>
A			
Phạm Việt	Ái	Kỹ sư Công chánh, MSCE	Cấp thủy và Bài thủy 1972-1975
Đặng Đình	Áng	Tiến sĩ Toán	Toán áp dụng 1962-1966
Dương Mộng	Ảo	Kỹ sư	Nhiệt động lực học 1958-1962
	Audin	Kỹ sư Kiều lộ	Thủy lợi, Thủy lợi ứng dụng 1947-1955
Â			
Châu Ngọc	Ẩn	Kỹ sư Công chánh	Thực tập Địa cơ 1974-1999
B			
Nguyễn Trọng	Ba	Tiến sĩ Toán học Cử nhân Toán, KS Công chánh.	Tân Đại Số, Hình học Giải tích 1965-1975
Vương Đình	Bách		Toán, Thực tập Địa cơ, Bê tông 1969-1976
Trần Văn	Bạch	Kỹ sư Kiều lộ	Thủy lợi, Th Nông, Thủy Giang 1951-1966
	Baillon	Kỹ sư	Địa hình, Ước lượng tính 1934-1940
Nguyễn Huy	Bảo	Cử nhân Văn chương	Pháp văn 1958-1962
	Bavori	Kỹ sư	Địa chánh 1938-1940
Tống Văn	Bảy	Chuyên viên Địa cơ Cử nhân Kh học, Tiến sĩ	Thực tập Địa cơ 1963-1978
Trần Văn	Bé	KS	Nhiệt động lực, Động cơ nhiệt 1961-1966
	Bernard	Thạc sĩ Khoa học	Vật lý & Hóa học bổ túc 1938-1944
	Bono	Kỹ sư Kiều lộ	Sức chịu Vật liệu 1947-1951
	Boogie	Thạc sĩ Toán	Toán áp dụng 1958-1960
	Bourgeois	Kỹ sư Kiều lộ	Đường lộ, Cầu cống 1938-1940
	Breton	Kỹ sư ETP	Địa hình, Trắc địa 1953-1960
	Brière de l'Isle		Luật Hành chánh 1947-1952
C			
Vũ Ngọc	Can	Kỹ sư Công chánh	Thủy nông 1968-1972
Tôn Thất	Cảnh	Kiến trúc sư	Dinh thự tạo tác 1968-1972
Trần Kiêm	Cảnh	Kỹ sư Công nghệ	Kỹ nghệ hoa 1964-1975
	Caparros	Kỹ sư Kiều lộ	Địa hình 1938-1940
	Cazaux	Kỹ sư Công tác Địa dư	Trắc cầu, Thiên văn Vị trí 1962-1966

	Cản	Thẩm phán KS Bách khoa, KS Kiều	Luật Hành chính H học Giải tích, Cơ học Thuần	1955-1956
Nguyễn	Chánh	lộ	lý	1958-1965
	Charpentier	Kỹ sư Kiều lộ	Căn cứ Hàng không	1953-1955
	Chauvin	Tiến sĩ Toán Kỹ sư Công chánh,	Tân Đại số	1968-19 ?
Khương Hùng	Chấn	MSCE	Anh văn	1967-1968
	Châu		Toán	1955-1956
Trần Mộng	Châu	Kỹ sư Công chánh	Vẽ Kỹ thuật, Hỏa xa	1958-1968
Nguyễn Thị	Chi	Cán sự Công chánh Kỹ sư Công chánh,	Phụ tá Hành chánh	1966-1970
Nguyễn Đức	Chí	MSCE	TT Địa cơ, Kiến tạo Giải tích	1966-1977
Đình Quang	Chiêu	Kỹ sư Điện	Điện học	1952-1962
Nguyễn Văn	Chiểu	Kỹ sư	Bê tông	1947-1966
Trần Quang	Chữ	Cán sự Công chánh	Giám thị, Phụ đạo	1938-1956
Nguyễn Quang	Chuyên	MSCE		1954-1955
Cao Thành	Chương	Kỹ sư Công tác Địa dư GS Trường Albert	Trắc cầu	1968-1970
Serge	Cohen	Sarraut	Toán	1930-1933
	Colombo	Kỹ sư ESE	Thủy lợi, Thủy lợi ứng dụng	1962-1964
	Connan	Kỹ sư Công chánh	Vẽ tỷ lệ, Viếng Công trường	1930-1933
	Coppens	Commis	Hình học, Pháp văn	1902-1904
Phan Văn	Cơ	Kỹ sư	Thủy lợi	1968-1970
Trần Lưu	Cung	Kỹ sư Viễn thông	Toán	1958-1964
Huỳnh Ngọc	Cưỡng	Kỹ sư Công tác Địa dư	Trắc cầu, Tam giác đặc	1968-1972
Lê Vũ	Cường	Cử nhân Khoa học	Thực tập Hóa học	1965-1975
Nguyễn Quang	Cường	Cử nhân Văn chương	Pháp văn	1951-1953
Trương Công	Cừu	Cử nhân Văn chương	Pháp văn	1960-1963
D				
Lai Văn	D'Ornano	Kỹ sư Kiều lộ	Cầu, Đường lộ	1952-1954
	Danh	Cán sự Công chánh Kỹ sư Địa chánh, Tiến sĩ	Thực tập Địa hình,	1969-1979
Lê Văn	Danh	KS	Địa hình, TT Địa hình, Sai số	1964-1979
	Delpech	Kỹ sư	Xây dựng Dân sự	1930-1934
Võ Đức	Diễn	Kỹ sư Bách Khoa	Thực tập Vật lý, Điện học	1961-1975
Nguyễn Phước	Du	Tiến sĩ Kỹ sư Hóa học	Hóa học, Quản trị Xí nghiệp Địa hình, TT Địa hình, Đường	1961-1965
Trinh Hữu	Dục	Kỹ sư Địa chánh, MSCE	lộ	1964-1978
	Dumortier	Kỹ sư Kỹ sư Công chánh,	Viếng Công trường	1952-1953
Lưu Hữu	Dũng	MSCE	Đại số, Thủy lợi	1966-1971

Nguyễn Anh	Dũng	Cử nhân Vật lý	Thực tập Vật lý	1968-1975
Dương Thiệu	Dụng	Kỹ sư Hàng Không Kỹ sư Công chánh, MSCE	Điện tử	1962-1968
Lưu Hữu	Duyên	MA	Th tập Nhựa đường, Đường lộ	1970-1979
Ngô Đình	Duyên	MA	Ấn họa và Đồ bản	1968-1975
Bùi Thành	Dương	Kỹ sư Công chánh	Ước lượng tính	1966-1975
Phạm Minh	Dưỡng	Kỹ sư Kiều lộ	Quang học, Toán, Hỏa xa	1951-1965

Đ

Huỳnh Ánh	Đăng	Kỹ sư Công chánh	Thực tập Bê tông nhựa	1970-1974
Phạm Huy	Đầu	Thẩm phán	Luật Hành chánh	1956-1958
Huỳnh Văn	Điểm	Kỹ sư	Kiến trúc Dân sự	1947-1955
Trương Bửu	Điện	Cử nhân Anh văn Kỹ sư Hàng không	Anh văn	1958-1962
Nguyễn Tranh	Diệp	ENSA	Cơ học, Nhiệt Động lực học	1968-1972
Lê Kim	Đính	Cao học Toán	Toán Giải tích học	1958-1966
Lê Trung	Định	Kỹ sư Địa chánh	Th tập Địa hình, Vẽ Địa chánh	1970-1980
Bửu	Đôn	Kỹ sư Kiều lộ	Bê tông Áp dụng, Cầu	1963-1968
Hoàng	Đổng	Kỹ sư Địa chánh, MSCE	Không Ảnh	1964-1968
Nguyễn Triệu	Đồng	Tiến sĩ Kỹ sư Thủy lợi	Thủy lợi, Hải công Kiến tạo	1968-1972
Tôn Thất	Đổng	Kỹ sư Kiều lộ	Cầu, Dinh thự Tạo tác	1960-1968
Nguyễn Duy	Đức	Kiến trúc sư	Kiến trúc	1962-1966
Nguyễn Văn	Đức	Kỹ sư Công chánh	Vẽ Công ch,Viếng Công trường	1947-1968
Nguyễn Xuân	Đức	Kỹ sư Kiều lộ	Kiến trúc Kim khí	1968-1972
Dương Hải	Đường	Kỹ sư Hóa học	Hóa học Vô cơ, Th tập Hóa học	1958-1972

F

(Sư huynh)	Fontaine		Địa chất học	1956-19 ?
	Fréjacques	Kỹ sư GS Trường Albert	Thủy lợi	1947-1951
	Freydier	Sarraut	Toán	1933-19 ?

G

	Gallois	Kỹ sư	Vẽ Kỹ thuật, Kỹ thuật học	1958-1966
	Garnier	Cử nhân Khoa học	Toán, Họa hình, Cơ học Th. lý	1947-1951
	Gauthier	Kỹ sư Kiều lộ	Sức chịu Vật liệu, Hỏa xa	1938-1944
Đinh Khắc	Giao	Kiến trúc sư	Kiến trúc	1966-1968
	Gourmel	Conducteur	Khái niệm về Công chánh	1902-19 ?
	Gruot	Kỹ sư Kiều lộ	Cầu, Thủy lợi, Cáp & Bài thủy	1947-1953

H

Hoàng Xuân	Hãn	KS Kiều lộ, Thạc sĩ Toán	Toán Bỏ túc	1938-1944
Phạm Nguyên	Hanh	Kỹ sư Hàm mỏ	Địa cơ Nền móng	1968-1972
Hoàng Xuân	Hào	Tiến sĩ Luật khoa	Luật Cải cách Điền địa	1968-1972
Võ Thế	Hào	Tiến sĩ Toán học	Toán Giải tích,	1961-1975
Nguyễn Quý	Hảo	Kỹ sư Công chánh	Vật liệu và Phg pháp Xây cất	1966-1975
Đàm Sĩ	Hiển	Cử nhân Luật	Dân luật	1957-1966
Nguyễn Thị	Hiệp	Kỹ sư, Cử nhân Hóa học	Thực tập Hóa học	1968-1975
Nguyễn Văn	Hiếu			1943-1944
Nguyễn Văn	Hòa	Tiến sĩ Vật lý	Nhiệt Động lực học	1968-1972
Nguyễn Văn	Hoài	Kỹ sư Hóa học	Hóa học	1958-1960
Ngô Anh	Hoàng	Kỹ sư Công chánh	Thực tập Địa cơ	1974-1995
Dương Hảo	Hón	Kỹ sư Công chánh	Cơ giới, Viếng Công trường	1968-1972
Đặng	Huấn	Kỹ sư Công chánh	Sức chịu vật liệu ,TT Bê tông	1967-1999
Nguyễn Văn	Huấn	Cử nhân Luật khoa	Luật Hành chánh	1957-1966
Trần Phi	Hùng	Kiến trúc sư	Thiết kế Đô thị	1960-1968
Lê Minh	Huy	Kỹ sư Công chánh	Đường lộ	1967-1968
			Ước lượng tính, Căn cứ Hàng	
Tạ	Huyền	Kỹ sư Công chánh	khg	1952-1966
Cao Thái	Hung	Kỹ sư ETP	Trắc địa, Tam giác đạc	1960-1963
Nguyễn Đình	Hung	Cử nhân Khoa học	Vật lý, Thực tập Vật lý	1950-1954
Nguyễn Văn	Hung	Kỹ sư Công chánh	Thực tập Địa hình	1960-1964
Nguyễn Văn	Hung	Kỹ sư Công tác Địa dư	Trắc địa, Tam giác đạc	1968-1972
J				
	Jeffroy	Kỹ sư	Đo đạc Địa hình	1947-1951
	Joitel	Kỹ sư	Cầu	1933-19 ?
	Joitel	Kỹ sư	Căn cứ Hàng không, Hỏa xa	1960-19 ?
	Joyeux	Bác sĩ Y khoa	Vệ sinh	1958-19 ?
	Juzeau	Kỹ sư Kiều lộ	Đường lộ	1947-1951
K				
Đoàn Hữu	Khải	Kiến trúc sư	Thiết kế Đô thị	1968-1972
Nguyễn Văn	Khải	Kỹ sư Công chánh	Địa hình	1947-1952
Đỗ Bá	Khê	Cử nhân Khoa học	Vật lý, Thực tập Vật lý	1958-1962
Nguyễn Văn	Khê	Kỹ sư Địa chánh	Địa chánh	1951-1953
Đông Sĩ	Khiêm	Kỹ sư Công chánh	Máy Thủy lực	1970-1972
Nguyễn Cao	Khoan	Kỹ sư Kiều lộ	Đại số, Hỏa xa (cơ giới)	1950-1966
Vũ Trọng	Khởi	MSME	Kỹ thuật học	1968-1972
Nguyễn Xuân	Khuông	Kỹ sư Địa dư	Địa danh, Tam giác đạc	1958-1963
Đào	Kim	Kỹ sư Công nghệ, Ph.D	Nhiệt Động lực học	1964-1975
	King	Kỹ sư	Thủy nông, Thủy giang	1934-19 ?
Ngụy Như	Kontum			1943-1944

Bùi	Kỷ	Phó Bảng Hán học	Việt văn	1930-1933
L				
	Lacollonge	Inspecteur	Vẽ Công chánh	1902-19 ?
	Landrau	GS trường Chasseloup	Pháp văn	1947-1952
	Langlois			1943-1944
Bùi Hữu	Lân	Kỹ sư Kiều lộ	Cấp thủy	1958-1968
Thái Văn	Lân	Kỹ sư	Động cơ Nhiệt	1947-1951
Bùi Văn	Lễ	Kỹ sư Công chánh	Kỹ nghệ họa	1960-1964
Mai Văn	Lễ	Tiến sĩ Luật khoa	Kinh tế học	1962-1964
Trần Thanh	Liêm	Kỹ sư Công chánh	Thực tập Nhựa đường	1973-1980
	Lombardeau		Vật liệu Xây cất	1949-1952
Châu Tâm	Luân	Tiến sĩ Kinh tế	Kinh tế học	1968-1974
Ngô Quang	Lý	Bác sĩ Y khoa	Vệ sinh	1947-1964
M				
	Maison	Kỹ sư	Hỏa xa	1947-1951
			Phương thức Thực hiện Công tác	
	Marquetty	Kỹ sư		1954-1955
	Martin	Kỹ sư	Số học, Đại số	1902-19 ?
Jean	Martin	Kỹ sư		1943-1944
Jacques	Martin	Kỹ sư		1943-1944
Chu Văn	Mậu	Agent Voyer	Phụ đạo (Giảng lại bài)	1928-1933
Bùi Văn	Minh	Kỹ sư Địa chánh	Địa chánh	1964-1968
Trần Văn	Minh	Kỹ sư	Địa chất	1953-1955
	Mouy	Kỹ sư	Sức chịu Vật liệu	1949-1952
N				
Trương Đình	Nữ	Kỹ sư	Vật lý, Điện	1958-1962
			Vật liệu và Phương pháp Xây cất	
Lê Sĩ	Ngọc	Kỹ sư Kiều lộ		1957-1968
Trần Văn	Ngọc	Kỹ sư Địa chánh	Vẽ Địa chánh, Địa hình, - Luật Điền thổ, Giám định Trắc địa	1951-1968
Nguyễn Khắc	Nhẫn	Kỹ sư Điện ESE	Điện, Thủy điện	1957-1963
Tạ Văn	Nho	Kỹ sư Canh nông	Nông học	1958-1968
Võ Văn	Nhơn	Kỹ sư Địa chánh	Thực tập Không ảnh	1963-1968
Võ Văn	Nhung	Kỹ sư Điện ESE	Khảo hạch Vật lý	1960-1964
Dương Kích	Nhuông	Kỹ sư Điện ESE	Thủy lợi, Khảo hạch Toán	1957-1964
	Noirot	Commis	Kế toán, Sổ sách Văn phòng	1902-19 ?
Lê Phước	Non	Kỹ sư Công chánh	Thực tập Bê tông, Bê tông	1970-1979

O				
Trần Ngọc	Oành	Kỹ sư Kiều lộ	Bê tông, Sức chịu Vật liệu	1955-1963
P				
	Pages			1943-1944
Nguyễn Đoan	Phi	Tiến sĩ Khoa học	Thực tập Vật lý, Quang học	1960-1972
Lý Thanh	Phong	Cử nhân Khoa học	Thực tập Vật lý	1961-1967
Lâm Minh	Phú	Kỹ sư Địa chánh	Đo đạc Địa hình, Tam giác đạc	1949-1968
Nguyễn Hữu	Phùng	Kỹ sư Công chánh	Thực tập Bê tông	1969-1974
Châu Thị	Phước	Cán sự Công chánh	Thực tập Địa cơ	1969-1977
Phan Ngọc	Phương	Cử nhân Khoa học	Lượng giác, Thiên văn, Giải tích	1950-1955
	Puvilland	Kỹ sư	Vẽ Đồ thị	1938-1940
Q				
		Cử nhân Giáo khoa Lý		
Nguyễn Hữu	Quang	Hóa	Quang học, Thực tập Vật lý	1965-1975
Trần Lê	Quang	Kỹ sư Kiều lộ	Sức chịu Vật liệu	1947-1955
Hồ Nhật	Quảng	Kỹ sư	Hình học	1951-1952
Nguyễn Văn	Quân		Vệ sinh	1938-1940
Lê Vi	Quốc	Cán sự Công chánh	Thực tập Bê tông	1963-1980
Trương Ngọc	Quý	MSCE, Ph.D	Anh văn, Kiến tạo giải tích	1966-1975
	Quyền	Kỹ sư Công chánh	Viếng Công trường	1955-1958
(Cô)	Quỳnh	Cử nhân Khoa học	Địa chất, Thực tập Địa chất	1972-1980
R				
Trịnh Ngọc	Răng	KS Công ch, MSCE, Ph.D	Địa hình, Sức chịu Vật liệu	1964-1975
	Raymond	Kỹ sư	Tính khối đất	1952-1953
	Rivoalen	Bác sĩ Y khoa	Vệ sinh	1938-1940
S				
Trần Văn	Sách	Cử nhân Khoa học	Toán, Lý, Hóa, Cơ, Điện, Họa hình	1947-1957
Lục Văn	Sáu	Kỹ sư Kiều lộ	Công tác Hàng hải	1949-1955
Perault	Saussine	Kỹ sư Địa dư	Không ảnh, Xác xuất, Lg giác cầu	1958-1966
	Savoyet	GS Trường Albert		
Nguyễn Khắc	Scheou	Sarraut	Pháp văn	1933-1935
	Ségas		Xây dựng Dân sự	1949-1952
	Ségas	Kỹ sư Kiều lộ	Lượng giác, Cơ học, Vẽ	1902-19 ?
Lương Thế	Siêu	Kỹ sư Kiều lộ	Kinh tế học	1962-1964

Trần Quang	Sinh Sivigliani	Kỹ sư Công chánh	Th tập Địa cơ, Sức chịu Vật liệu Hành chánh, Kế toán, Phức trình	1969-1980 1949-1955
Lê Hoàng	Sơn	Kỹ sư Địa Chánh	Thực tập Địa hình	1974-1995
Phạm Văn	Sơn	Kỹ sư Hàm mỏ	Địa chất học	1961-1964
	Speck	Commis	Đo Bình diện & Cao độ	1902-19 ?
Nguyễn Đức	Suý	Kỹ sư Công chánh	Căn cứ Hàng không	1968-1972
T				
Trần Văn	Tải	Kiến trúc sư	Kiến trúc	1949-1964
Phan Đình (Cô)	Tăng Thạch	Kỹ sư Kiều lộ Cử nhân Khoa học	Sức chịu Vật liệu Địa chất, Tục tập Địa chất	1961-1972 1972-1980
Trần Kim	Thạch	Tiến sĩ Địa chất học Kỹ sư Công chánh,	Địa chất học	1958-1962
Mai Hiệp	Thành	MSCE	Thực tập Địa cơ	1968-1972
Trần Đăng	Thạnh	Kỹ sư Địa chánh	Thực tập Địa hình	1973-1979
Lê Kim	Thắng	Kỹ sư Công ch, MSCE	Thực tập Nhựa đường, Địa cơ	1971-1979
Đoàn Văn	Thân	Kỹ sư Địa chánh	Địa hình, Thực tập Địa hình	1967-1976
	Theodorescu	Cử nhân Khoa học	Vật lý	1947-1952
Phan Ngọc	Thế	MSCE, Ph.D	Địa cơ, Đường lộ	1967-1972
Lâm Xuân	Thi	Kỹ sư Địa chánh	Luật Điền thổ, G định Trắc địa	1956-1964
Nguyễn Văn	Thiêm	Kỹ sư Địa chánh	Thực tập Địa hình	1952-1960
Nguyễn Văn	Thiện	Kiến trúc sư	Vẽ Kiến trúc, Xây dựng Dân sự	1951-1955
Tôn Thất	Thiều	Kỹ sư Công chánh	Thủy tính	1968-1972
Nguyễn Đức	Thịnh	Tiến sĩ Kỹ sư Thủy lợi	Thực tập Thủy lợi, Bơm thủy lực	1972-1979
Nguyễn Ngọc	Thịnh	Tiến sĩ Kỹ sư Thủy lợi	Thủy lợi, Thống kê	1965-1980
Trần Phước	Thọ	Kỹ sư Công chánh	Cấp thủy	1968-1972
Nguyễn Văn	Thông	Kỹ sư Thủy điện	Thủy điện, Thủy tính	1968-1972
Nguyễn Văn	Thời	Kỹ sư Công chánh	Địa hình	1947-1953
Trần Văn	Thu	Tiến sĩ Kỹ sư Địa dư	Địa hình, Tính Trắc địa	1968-1975
Nguyễn Duy	Thu Lương	Kỹ sư Cơ khí MIT	Quản trị Xí nghiệp	1968-1972
Vũ Quốc	Thúc	Thạc sĩ Kinh tế	Kinh tế học	1958-1962
Nguyễn Văn	Thưởng	Kỹ sư Công chánh	Đo đạc Địa hình	1953-1954
Bùi Nhữ	Tiếp	Kỹ sư Kiều lộ	Hải công Kiến tạo	1968-1970
Lê Vạn	Toàn	Cư nhân Luật khoa	Luật lệ Cải cách Điền địa	1958-1974
Mai Thanh	Toàn	Kỹ sư Công chánh KS Công chánh, MSCE,	Thực tập Địa hình	1966-1970
Nguyễn Thanh	Toàn	Ph.D	Địa cơ, Nền móng	1964-1975
	Tốn	Kỹ sư	Hải công Kiến tạo	1963-1965
Đỗ Văn	Trà	Kỹ sư	Viếng Công trường	1949-1954
Lê Thanh	Trà	Chuyên viên Địa cơ	Thực tập Địa cơ	1966-1972
Nguyễn T. Như	Trang	Dược sĩ	Thực tập Hóa học	1968-1975

Đỗ Khắc	Trí	Kỹ sư Khí tượng	Thủy tính	1968-1970
Nguyễn Thành	Trọng Thủy	Cán sự Công chánh	Thực tập Địa hình,	1969-1979
	Trụ	Agent Technique	Phụ đạo (Giảng lại bài)	1902-1908
Lê Quang	Trung	Kỹ sư Công chánh	Thực tập Thủy lợi	1974-1990
Lê Văn	Trực	Kỹ sư Công chánh	Thực tập Bê tông	1974-1995
Phạm Nam	Trường	Kỹ sư Bách Khoa	Địa cơ, Thực tập Địa cơ	1962-1968
Phan Thành	Trường	Kỹ sư Tạo tác Dân sự	Tính Khối đất, Bê tông	1966-1976
Hồ Văn	Trượng	Kỹ sư Điện	Nhiệt động lực học	1958-1964
Nguyễn Chung	Tú	Tiến sĩ Khoa học	Điện	1961-1963
Bùi Hữu	Tuấn	Kỹ sư Kiều lộ	Họa hình	1958-1963
Nguyễn Hữu	Tuyên	Kỹ sư Địa chánh	Quản thủ Điền thổ	1964-1968
Chu Bá	Tường	Kỹ sư Công chánh	Thủy vận	1968-1972
Nguyễn Mạnh	Tường	Thạc sĩ Luật khoa	Pháp văn	1938-1940

V

Trần Mỹ	Vân	Cử nhân Anh Văn, MA	Anh văn Cầu, Đường, Địa cơ, Kiến tạo	1964-1968
Francois	Vaudiau	Kỹ sư Kiều lộ	Thép	1947-1966
Phạm Hữu	Vĩnh	Kỹ sư Công chánh	Trắc địa, Viếng Công trường	1956-1962
	Vĩnh	Kỹ sư Công chánh,		
Trương Hoàng	Phương	MSCE	Thực tập Địa cơ, Địa cơ	1971-1977
	Vittori	Kỹ sư	Địa chánh	1934-1936
Bùi Phát	Vượng	Kỹ sư	Hóa học Hữu cơ, Cơ học Vật lý	1960-1964

X

Nguyễn Văn	Xương	Kỹ sư Địa chánh	Luật Điền thổ	1966-1970
------------	-------	-----------------	---------------	-----------